

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2026

## BẢN TIN TUẦN

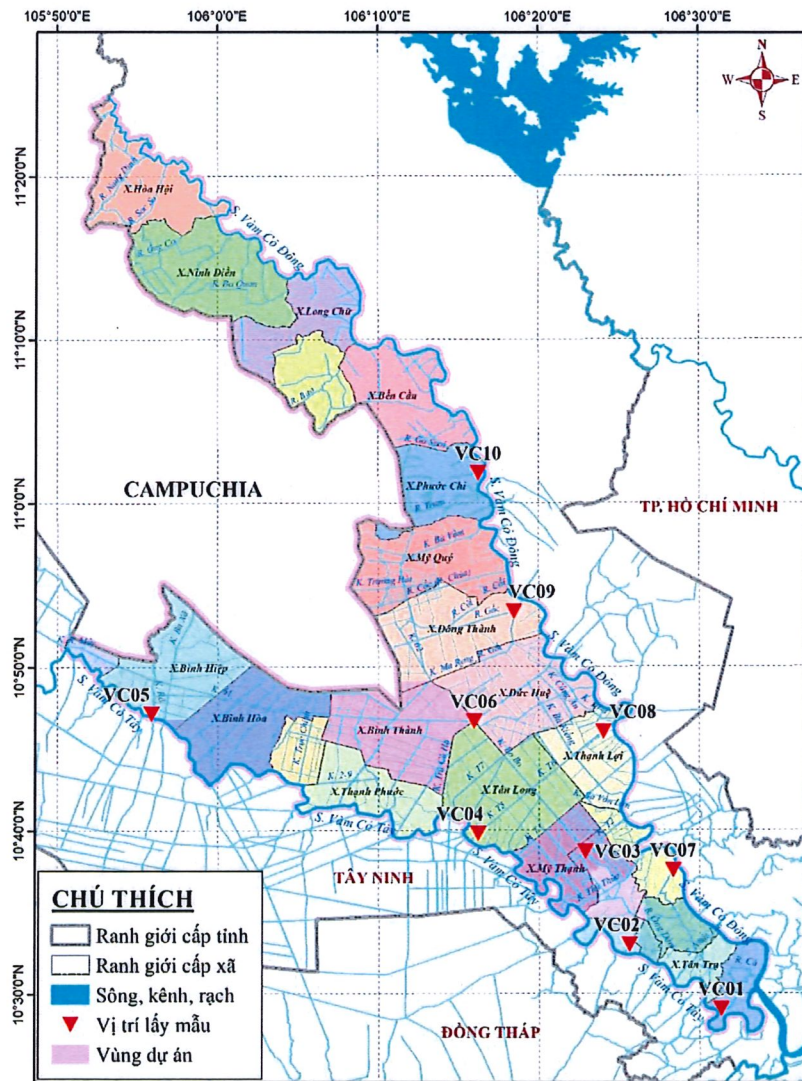
“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi giữa hai sông Vàm Cỏ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”

(ngày lấy mẫu 14-16/06/2026)

### I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần ngày 14-16/06/2026 (ngày 29/04-2/5 ÂL)

#### 1. Vị trí lấy mẫu

Dự án quan trắc 10 vị trí khảo sát phân bố đều trên hệ thống vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ để phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



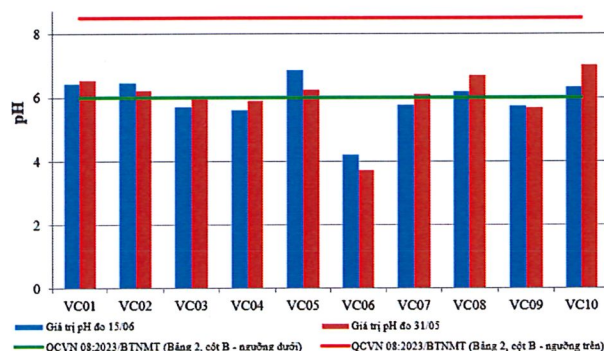
Hình 1: Vị trí lấy mẫu hiện trường

## 2. Thông tin lúc lấy mẫu

| Stt | Ký hiệu | Tên                 | Đặc điểm lấy mẫu    | Vận hành công trình | Tình hình sản xuất |
|-----|---------|---------------------|---------------------|---------------------|--------------------|
| 1   | VC01    | Sau công Thôn Thành | Không nắng, dịu mát | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 2   | VC02    | Sau công Châu Thê   | Không nắng, dịu mát | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 3   | VC03    | Bo Bo               | Trời nắng yếu       | Nước ròng           | Vụ Hè Thu          |
| 4   | VC04    | T5                  | Trời nắng yếu       | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 5   | VC05    | Kênh Ba Xã          | Trời nắng           | Nước ròng           | Vụ Hè Thu          |
| 6   | VC06    | Trà Cú Thượng       | Trời nắng           | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 7   | VC07    | Sau công Cầu Bót    | Không nắng          | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 8   | VC08    | T6                  | Không nắng          | Nước ròng           | Vụ Hè Thu          |
| 9   | VC09    | Rạch Gốc            | Trời nắng           | Nước lớn            | Vụ Hè Thu          |
| 10  | VC10    | Vàm Cỏ Đông         | Trời nắng           | Nước ròng           | Vụ Hè Thu          |

## 3. Kết quả đo đạc

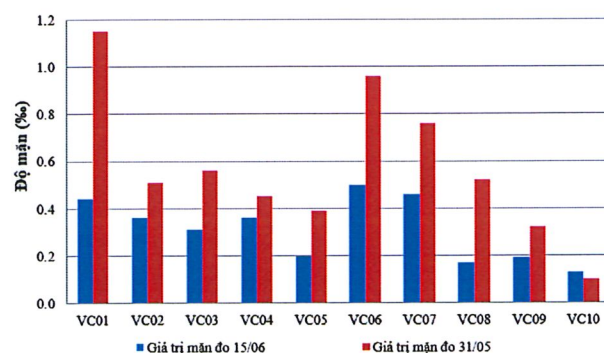
### 3.1. Thông số chỉ thị ô nhiễm phèn và mặn hóa



Hình 2: Biểu đồ giá trị pH tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Kết quả phân tích mẫu nước ngày 14-16/06 cho thấy, pH tại hầu hết các vị trí dao động trong ngưỡng dưới theo QCVN08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), tương đồng với kỳ đo ngày 31/05, pH dao động từ 4,21÷6,86 giá trị pH chênh lệch không đáng kể giữa các vị trí quan trắc, vị trí VC06 giá trị pH rất thấp.

Nhận xét: Mức độ chua phèn tại hầu hết các vị trí đều trong ngưỡng cho phép, ngoại trừ vị trí VC03, VC04, VC06, VC09.



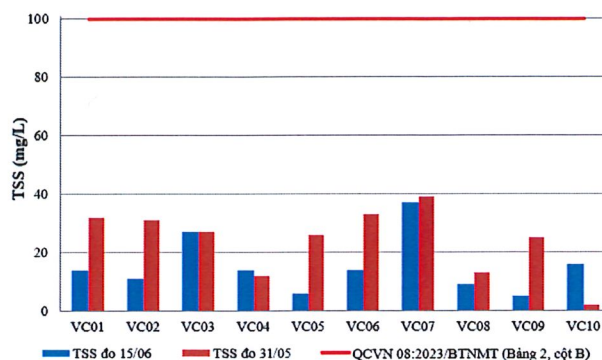
Hình 3: Biểu đồ giá trị mặn tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Độ mặn ngày 14-16/06 có giá trị nhỏ hơn 0,5‰ và độ mặn có xu thế giảm so với ngày 31/05, khu vực dự án đang trong giai đoạn mùa mưa nên độ mặn trên sông chính sẽ giảm dần.

Nhận xét: Cần chú ý và theo dõi độ mặn thường xuyên tại các vị trí trên 2 sông chính Vàm Cỏ để vận hành công trình ngăn mặn với nhu cầu SX trong vùng hệ thống.

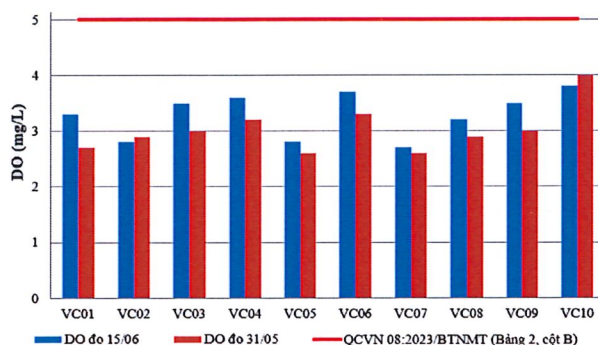
### 3.2. Các thông số hóa lý

#### a. Chất rắn lơ lửng TSS



Hình 4: Biểu đồ giá trị TSS tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

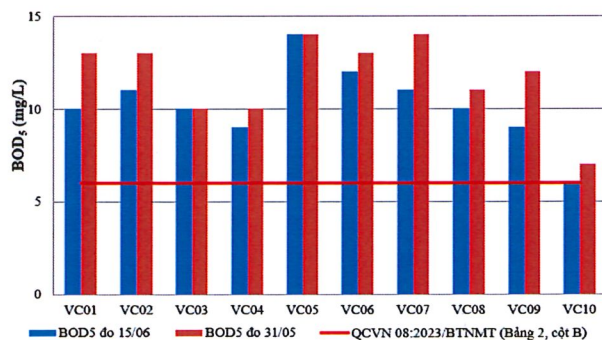
#### b. Oxy hòa tan (DO)



Hình 5: Biểu đồ giá trị DO tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

#### c. Thông số chỉ thị ô nhiễm chất hữu cơ

##### - Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)



Hình 6: Biểu đồ giá trị BOD<sub>5</sub> tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Kết quả phân tích ngày 14-16/06 cho thấy hàm lượng TSS có trong nước tại các vị trí thấp hơn so với QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), và thấp hơn so với giá trị đo ngày 31/05 ở hầu hết các vị trí, giá trị TSS dao động trong khoảng 5,0 ÷ 37,0 mg/L.

*Nhận xét:* Hàm lượng TSS trong khu vực vẫn đảm bảo yêu cầu lấy nước cho nhu cầu SXNN như trồng trọt và tưới tiêu.

Phân tích mẫu nước ngày 14-16/06 cho thấy, oxy hòa tan (DO) trong vùng thấp trung bình nhỏ hơn 4,0 mg/L, tăng nhẹ so với kỳ đo ngày 31/05 và dao động từ 2,7÷3,8 mg/L, thấp hơn ngưỡng yêu cầu QCVN08:2023/BTNMT (bảng 2 cột B).

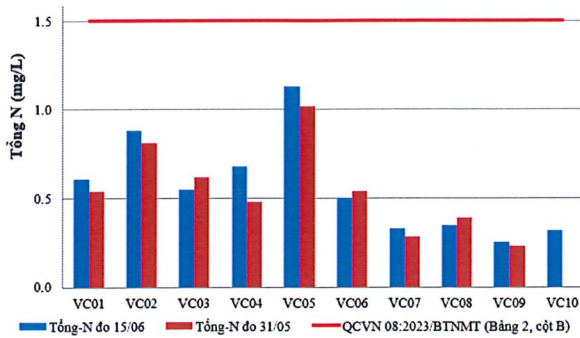
*Nhận xét:* Hàm lượng DO tại các vị trí rất thấp so với QCVN, cần có những biện pháp gia tăng lượng Oxi hòa tan trước khi lấy nước cho SXNN.

Kết quả phân tích cho thấy, BOD<sub>5</sub> ngày 14-16/06 giảm nhẹ so với đợt đo ngày 31/05 và lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/ BTNMT (bảng 2, cột B), BOD<sub>5</sub> dao động từ 6,0÷14,0 mg/L.

*Nhận xét:* Nguồn nước trong khu vực có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ mức độ nhẹ. Kiến nghị giải pháp điều tiết mở cống để giảm thiểu ô nhiễm các chất hữu cơ trong vùng.

d. Thông số chỉ thị ô nhiễm chất dinh dưỡng

- Giá trị tổng N (Ni-tơ)

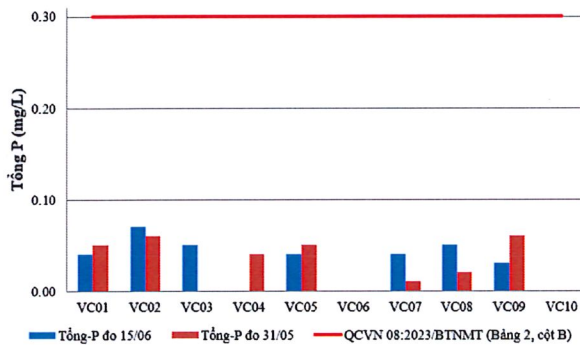


Hình 7: Biểu đồ giá trị tổng N tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Hàm lượng tổng N ngày 14-16/06 tại các vị trí có sự chênh lệch, tương đồng so với đợt ngày 31/05 và thấp hơn so với QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), giá trị thực đo vị trí đã giảm so với lần quan trắc trước đó. Tổng-N dao động trong khoảng  $0,26 \div 1,13$  mg/L.

Nhận xét: Tổng-N có trong nước tại các vị trí vẫn đảm bảo trong giới hạn cho phép theo QCVN. Cần phải chú ý vị trí VC02, VC05 giá trị đo cao hơn so với các kỳ đo trước đó và giữa các vị trí quan trắc trong vùng.

- Giá trị tổng P (Phosphor)

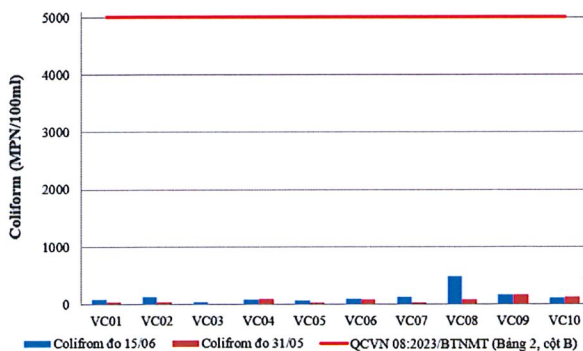


Hình 8: Biểu đồ giá trị tổng P tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Kết quả phân tích ngày 14-16/06 cho thấy hàm lượng tổng P tại hầu hết các vị trí có nồng độ tổng P nhỏ hơn 0,1 mg/L, một số vị trí không phát hiện Tổng-P có trong nước tương đồng so với kỳ đo ngày 31/05, thấp hơn QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B).

Nhận xét: Giá trị tổng P vẫn nằm trong giới hạn cho phép nên chưa gây ra hiện tượng phú dưỡng.

### 3.3. Thông số chỉ thị ô nhiễm vi sinh








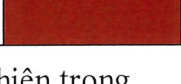
Hình 9: Biểu đồ giá trị Coliform tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06

Kết quả phân tích ngày 14-16/06, số lượng Coliform trong nước tại các vị trí tương đồng so với kỳ đo ngày 31/05 và thấp hơn so với giới hạn cho phép theo QCVN08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), dao động từ  $45 \div 490$  MPN/100 mL, nguyên nhân là do phân hữu cơ, nước thải sinh hoạt trực tiếp xuống kênh gây ô nhiễm nguồn nước.

#### 4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)







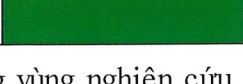
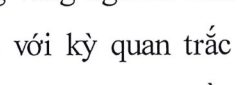
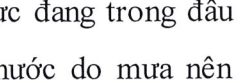

Giá trị WQI đã tính toán với 7 thông số: pH, DO, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng-N, Tổng-P và TSS. Mức đánh giá chất lượng nước theo các giá trị WQI được trình bày trong bảng sau

*Bảng 1: Thang mức đánh giá chất lượng nước theo các giá trị WQI*

| Loại | Giá trị WQI | Mức đánh giá chất lượng nước  | Thang màu  |
|------|-------------|---|--|
| I    | 91 - 100    | Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt                               |   |
| II   | 76 - 90     | Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp |   |
| III  | 51 - 75     | Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác           |   |
| IV   | 26 - 50     | Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác              |   |
| V    | 10 - 25     | Nước ô nhiễm nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai                 |   |
| VI   | < 10        | Nước ô nhiễm rất nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai             |  |

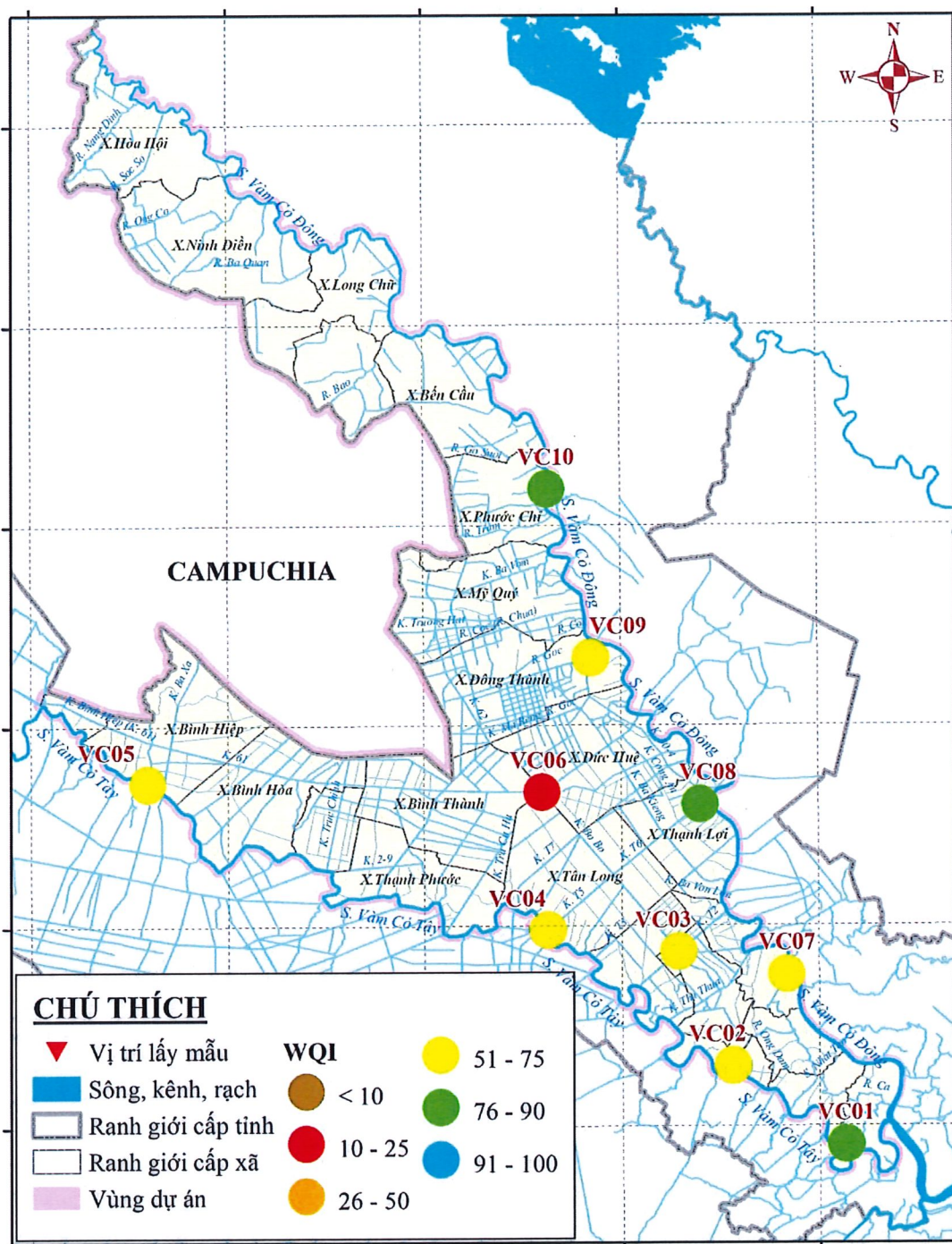
Các chỉ số chất lượng nước WQI tổng theo không gian tính toán được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 2: Chỉ số WQI của 10 vị trí quan trắc ngày 14-16/06/2026*

| STT | Vị trí quan trắc | Giá trị WQI | Thang   |
|-----|------------------|-------------|---|
| 1   | VC01             | 78          |  |
| 2   | VC02             | 74          |  |
| 3   | VC03             | 52          |  |
| 4   | VC04             | 55          |  |
| 5   | VC05             | 72          |  |
| 6   | VC06             | 20          |  |
| 7   | VC07             | 58          |  |
| 8   | VC08             | 80          |  |
| 9   | VC09             | 61          |  |
| 10  | VC10             | 85          |  |

Dựa trên kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước (WQI) trong vùng nghiên cứu cho thấy, chất lượng nguồn nước trong vùng kém và tương đồng so với kỳ quan trắc trước đó. Nguyên nhân nguồn nước có dấu hiệu xấu đi là do khu vực đang trong đầu mùa mưa nên các chất ô nhiễm tích tụ từ trong đất hòa tan vào nước do mưa nên

nguồn nước có chất lượng kém. Khu vực vị trí VC06 có chỉ số WQI thấp trong vùng, nguyên nhân là do bị ảnh hưởng phèn chua từ trong đất (VC06). Các khu vực trong hệ thống có chất lượng nguồn nước phù hợp với các mục đích sử dụng sản xuất nông nghiệp.



Hình 10: Biểu thị chỉ số WQI tại các vị trí lấy mẫu ngày 14-16/06/2026

## II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 23/06/2026 đến ngày 26/06/2026

### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

*Về Khí tượng:* Khu vực đang trong thời kỳ đầu mùa mưa nên trong thời gian tới

sẽ xuất hiện mưa to với tần suất nhiều hơn.

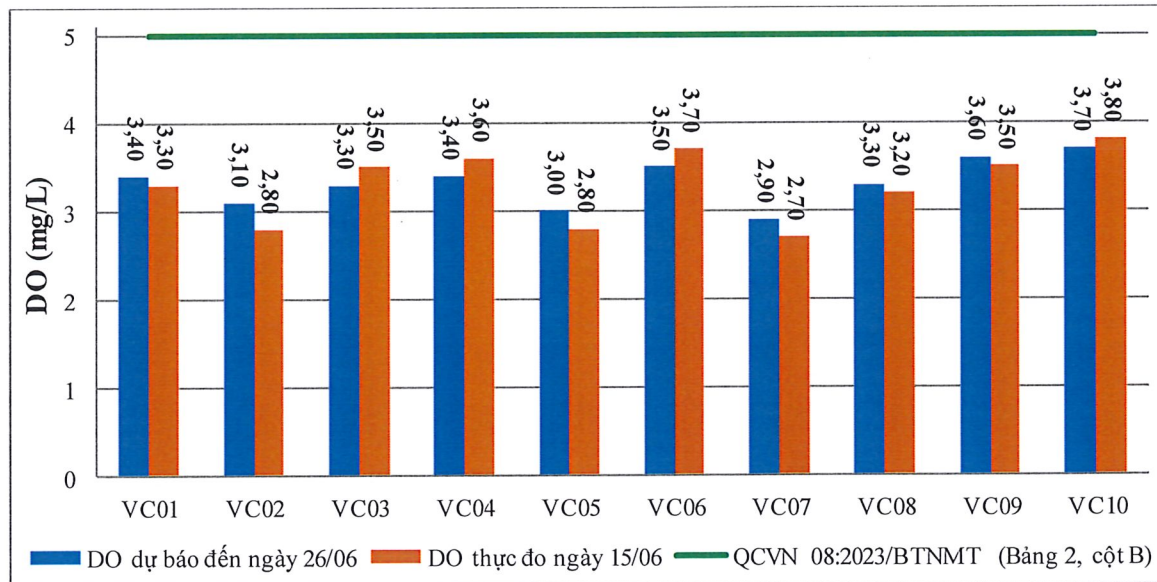
**Về Thủy văn:** Mực nước các xã vùng hạ lưu 2 sông Vàm Cỏ dao động tiếp tục theo chu kỳ triều giữa tháng 5 âm lịch tức (28/06-01/07 dương lịch). Xâm nhập mặn ở vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ xu hướng giảm dần.

## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Thời gian dự báo từ ngày 23/06/2026 đến ngày 26/06/2026 với các biên chất lượng nước đầu vào là số liệu thực đo vào ngày 14-16/06/2026. Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD<sub>5</sub> và Tổng N (Ni-tơ) dự báo đến ngày 26/06/2026.

### 2.1. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO đến ngày 26/06/2026 dao động 2,9÷3,7 mg/L và có xu hướng tăng nhẹ so với giá trị thực đo ngày 14-16/06. Các vị trí quan trắc đều có chỉ số DO thấp hơn giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), hàm lượng Oxy tại các vị trí thấp ảnh hưởng tới quá trình phát triển của các sinh vật thủy sinh nên cần có các giải pháp hỗ trợ để tăng thêm lượng Oxy hòa tan trong các ao nuôi khi lấy nước trực tiếp từ các kênh, đồng thời giải phóng các khí độc hại. Hiện nay, trong các ao nuôi người dân vẫn dùng quạt nước mở vào những thời điểm thích hợp để hỗ trợ tăng hàm lượng DO và làm cho dòng nước lưu thông (tránh hiện tượng phân tầng nước) giúp phân tán lượng Oxy đồng đều khắp trong không gian của ao từ bề mặt xuống đáy.

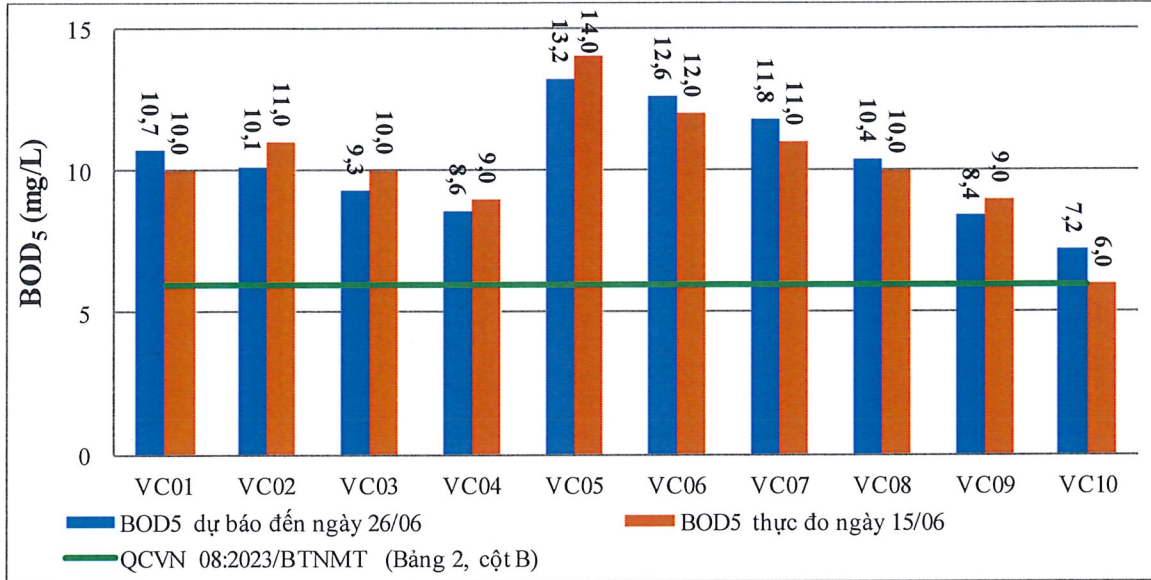


Hình 11: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo nồng độ DO

### 2.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)

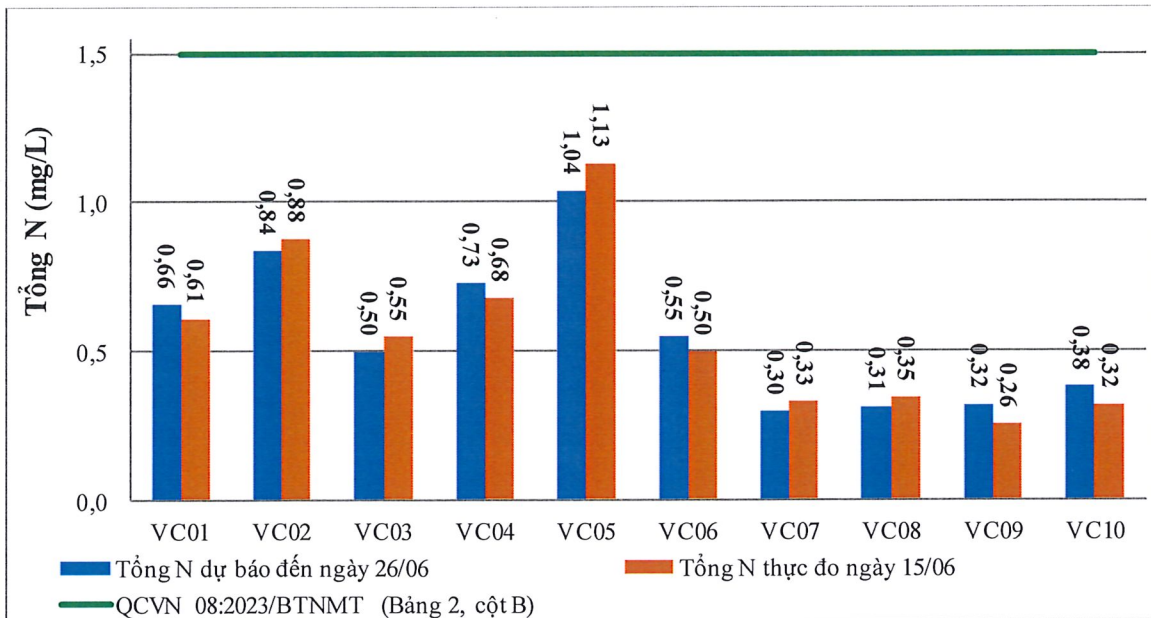
Kết quả dự báo BOD<sub>5</sub> đến ngày 26/06/2026 dao động từ 7,2 ÷ 13,2 mg/L và lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), kết quả dự báo cho thấy BOD<sub>5</sub> tăng nhẹ so với giá trị thực đo ngày 14-16/06 tại một vài vị trí như VC01, VC06, VC07, VC08. Với kết quả dự báo này thì nguồn nước vùng kẹp giữa sông Vàm Cỏ bị ô nhiễm hữu cơ nhẹ và trong khả năng nguồn nước có thể tự làm sạch

(để cải thiện chất lượng nguồn nước trong vùng nên mở cống khi triều rút để tăng trao đổi nước trong vùng và đẩy các chất ô nhiễm ra khỏi vùng nghiên cứu). Chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ với hàm lượng BOD<sub>5</sub> không có sự chênh lệch đáng kể tại các vị trí cho thấy nguồn nước trong vùng không có thay đổi đáng kể.



Hình 12: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo BOD<sub>5</sub>

### 2.3. Tổng N (Ni-tơ)

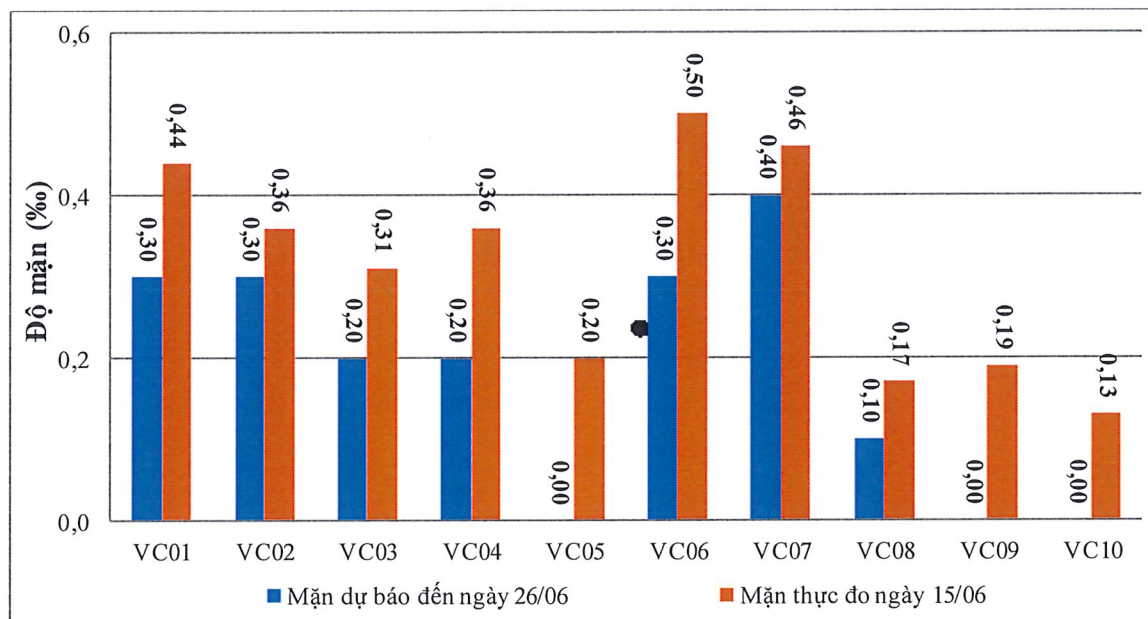


Hình 13: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo tổng N

Kết quả Tổng-N dự báo đến ngày 26/06/2026 dao động trong khoảng từ 0,3 ÷ 1,04 mg/L và có xu thế tăng nhẹ nhưng không đáng kể so với giá trị thực đo ngày 14-16/06. Tại các vị trí quan trắc hàm lượng tổng-N nhỏ hơn so với giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B). Hàm lượng Tổng-N trong nước cao chứng tỏ nguồn nước đã bị ô nhiễm bởi chất thải động vật trong chăn nuôi và các vi khuẩn gây bệnh.

## 2.4. Độ mặn

Kết quả dự báo độ mặn đến ngày 26/06/2026 dao động dưới mức 0,4‰, thời điểm này đang trong thời kỳ mùa mưa nên dự báo nồng độ mặn trong vùng trong thời gian tới sẽ giảm dần. Do có sự chuẩn bị trước đó nên độ mặn trong vùng thấp và được kiểm soát không bị vượt quá cao so với mức chống chịu của cây trồng. Tuy nhiên, cần thường xuyên theo dõi độ mặn trên sông chính Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây để có biện pháp vận hành công trình ngăn mặn tránh ảnh hưởng tới quá trình lấy nước sản xuất nông nghiệp.



Hình 14: Kết quả dự báo độ mặn

## III. Các đề xuất, kiến nghị

(1) Hàm lượng oxy hòa tan trong nước (DO) trong vùng tương đối thấp nên để đáp ứng tốt cho nhu cầu NTTS nên khuyến cáo người dân cần có các giải pháp tăng cường hàm lượng DO trong nước (bằng cách sử dụng quạt nước hoặc máy thổi khí, hoặc thay 1 phần nước mới) giúp cho quá trình nitrate hóa diễn ra nhanh hơn.

(2) Hàm lượng TSS phù hợp cho hoạt động SXNN nhưng tại một vài vị trí có TSS khá cao nếu lấy nước để NTTS thì nên cần có biện pháp xử lý và lắng lọc trước khi cấp nước vào ao nuôi.

(3) Đề nghị cần cảnh báo các địa phương trong vùng về thực trạng vi sinh do có hàm lượng lượng Coliform trong nước, phải có biện pháp xử lý nếu lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, cần trọng trong việc lấy nước tưới cho các loại rau ăn sống, phải rửa sạch bằng nước muối, thuốc tím hoặc hóa chất sát khuẩn và rửa thực phẩm trước khi ăn. Ngoài ra lấy nước phục vụ nhu cầu NTTS cần phải có các biện pháp xử lý nước trước khi cấp nước vào ao nuôi để hạn chế nguồn gây bệnh từ ngoài vào trong ao.

(4) Hàm lượng tổng N (Ni-tơ) trong vùng trong ngưỡng cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), cần chú ý vị trí VC02 và VC05 có giá trị tổng-N cao, nên cần phải theo dõi thêm ở các lần quan trắc tiếp theo và có biện pháp thích hợp để khơi thông dòng chảy, cung cấp thêm ôxi hòa tan (DO) để quá trình nitrát hóa diễn

ra nhanh hơn giảm ảnh hưởng của nitrit đến đời sống thủy sinh. Đồng thời phải cải tạo ao nuôi, bùn và các chất cặn bã phải được loại bỏ; quản lí cho ăn tốt tránh cho ăn dư thừa hạn chế trường hợp thức ăn dư thừa tích tụ lâu dài làm gia tăng hàm lượng Nitrite trong nước.

(5) Nguồn nước trong vùng có dấu hiện bị ô nhiễm các chất hữu cơ (COD và BOD<sub>5</sub>), hàm lượng các chất hữu cơ có trong nước cao hơn so với mức cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B) nguồn nước dùng cho SXNN. Do vậy khuyến nghị, khi nồng độ mặn trên các sông chính chưa lên cao hoặc vào thời điểm triều rút (nước ròng) các cống trong vùng có thể vận hành mở cống (chú ý tại các vị trí VC02, VC05 đến VC08) để tăng khả năng lưu thông nước và trung hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong vùng dự án.

(6) Theo kết quả thực đo và dự báo độ mặn cho thấy độ mặn trong vùng có giá trị tương đồng so với các năm trước, đảm bảo cho trồng trọt nhưng vào thời điểm hiện tại cần tiến hành đo mặn thường xuyên để giám sát độ mặn trên sông chính Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây đề phòng xâm nhập mặn trước khi bước qua giai đoạn giao mùa.

(7) Hiện nay tốc độ suy giảm chất lượng môi trường nước đang ngày càng nhanh và mạnh, do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu do thời tiết nắng nóng khô hạn, nhu cầu nước thì gia tăng dẫn đến nguồn nước trong các kênh cạn kiệt. Vì vậy rất cần sự phối hợp của các đơn vị của Bộ NN&MT để kiểm soát được mặn – ngọt, kiểm soát độ mặn của nước cũng như các chỉ tiêu chất lượng nguồn nước cấp để đảm bảo nhu cầu SXNN.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CCTL, Cty KTCTTL tỉnh Tây Ninh;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc CTL (để b/c);
- Website CTL, Website Viện KHTLMN (để đăng tin);
- Lưu TT.KHCN Môi trường và Sinh thái. *l*


  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Nghĩa Hùng*